

Số: 01/2021/QĐST-KDTM

Tam Bình, ngày 13 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng K1; địa chỉ Số 19, phố T1, phường H1, quận T2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Hồ Hùng A, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Số B110, đường Đ, Phường 2, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay Số 2, đường K2, phường H2, quận B2, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng K1).

- Ông Trần Nhật Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyết số 617/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2018).

- Ông Nguyễn Quốc K3 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo ủy quyền lại của ông Trần Nhật Q (Văn bản ủy quyền số 1088-02/2020/UQMN-TCB ngày 18 tháng 11 năm 2020).

Cùng nơi làm việc tại: Tầng 15, toà nhà T3, Số 9-11, đường T4, phường N1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty H3; địa chỉ Số 54, Tổ 05, ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Anh Phạm Hoàng N2, sinh

năm 1980; nơi cư trú tại Số 54, Tổ 05, ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long (Giám đốc Công ty H3).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn N3, sinh năm 1954.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V: Anh Phạm Hoàng N2, sinh năm 1980 (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2021).

- Bà Lê Thị B4, sinh năm 1960.

- Chị Phạm Thị Tuyết H4, sinh năm 1981.

- Anh Phạm Minh T5, sinh năm 1986.

- Anh Phạm Văn D, sinh năm 1986.

- Anh Phạm Văn K4, sinh năm 1988.

- Anh Phạm Văn G, sinh năm 1991.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn K4, anh Phạm Minh T5, anh Phạm Văn G: Bà Lê Thị B4, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 3 năm 2021).

Cùng nơi cư trú tại: Ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trả nợ tiền vay tại Khế ước nhận nợ số: VLG20XXX609 ngày 08 tháng 3 năm 2017, Khế ước nhận nợ số: VLG20XXX610 ngày 10 tháng 3 năm 2017 theo Hợp đồng cấp tín dụng (hạn mức) số: VLG20XXX46/HĐCTD ngày 07 tháng 7 năm 2015, Phụ lục số: VLG20XXX46/HĐCTD/PL01 ngày 20 tháng 10 năm 2016:

2.1.1. Công ty H3 đồng ý đến ngày 05 tháng 7 năm 2021 trả cho Ngân hàng K1 nợ vay tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2021 số tiền 1.234.254.632 (một tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, trong đó:

- Số tiền nợ còn lại Khế ước nhận nợ số: VLG20XXX609 ngày 08 tháng 3 năm 2017 là 528.986.599 (năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng bao gồm: Dư nợ gốc 129.942.685 (một trăm hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, dư nợ lãi 399.043.914 (ba trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm mười bốn) đồng;

- Số tiền nợ tại Khế ước nhận nợ số: VLG20XXX610 ngày 10 tháng 3 năm 2017 là 705.268.033 (bảy trăm lẻ năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn không trăm ba mươi ba) đồng bao gồm: Dư nợ gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, dư nợ lãi 305.268.033 (ba trăm lẻ năm triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn

không trăm ba mươi ba) đồng.

2.1.2. Công ty H3 đồng ý tiếp tục trả lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng thương K1 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký nêu trên. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2021 cho đến khi Công ty H3 trả xong nợ.

2.2. Trường hợp Công ty H3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì:

2.2.1. Ông Phạm Văn N3 và bà Trần Thị V đồng ý giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số C1, tờ bản đồ số C2, diện tích 2.XX6,3 m², loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long do ông Phạm Văn N3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số: BN 8XXX99, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0XX64 được Ủy ban nhân dân huyện B3 cấp ngày 07 tháng 02 năm 2013 theo Hợp đồng thế chấp số: HĐBĐ/VLG/2014/XX90 ngày 20 tháng 6 năm 2014, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: HĐBĐ/VLG/2014/XX90/PL01 ngày 31 tháng 8 năm 2015, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 953 ngày 20 tháng 6 năm 2014 cho Ngân hàng K1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

Tài sản được bảo đảm trên phạm vi nghĩa vụ vay nợ tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2021 số tiền 211.588.265 (hai trăm mười một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng ((trong đó: dư nợ gốc 90.848.071 (chín mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bảy mươi một) đồng, dư nợ lãi 120.740.193 (một trăm hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm chín mươi ba) đồng) cùng toàn bộ tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.2.2. Ông Phạm Văn N3 và bà Trần Thị V đồng ý giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số C3, tờ bản đồ số C4, diện tích 1.XX7,3 m² (đất ở 3XX m², 9XX,3 m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Phạm Văn N3 và bà Trần Thị V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số: BG 7XXX25, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0XXX2 được Ủy ban nhân dân huyện B3 cấp ngày 01 tháng 4 năm 2014 theo Hợp đồng thế chấp số: XX92/HĐTC-BĐS/TCB ngày 20 tháng 6 năm 2014, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: XX92/HĐTC-BĐS/TCB/PL01 ngày 31 tháng 8 năm 2015, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 951 ngày 20 tháng 6 năm 2014 cho Ngân hàng K1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

Tài sản được bảo đảm trên phạm vi nghĩa vụ vay nợ tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2021 số tiền 829.804.255 (tám trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi lăm) đồng ((trong đó: dư nợ gốc 356.286.850 (ba

trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi) đồng, dư nợ lãi 473.517.405 (bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm mười bảy nghìn bốn trăm lẻ năm) đồng)) cùng toàn bộ tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.2.3. Bà Lê Thị B4, anh Phạm Văn G, anh Phạm Minh T5, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn K4 đồng ý giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số C5, tờ bản đồ số C6, diện tích 5.XXX,6 m², loại đất chuyên trồng lúa nước, địa chỉ ấp Y, xã P, huyện B3, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị B4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số: BG 6XXX38, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH0XX50 được Ủy ban nhân dân huyện B3 cấp ngày 09 tháng 4 năm 2014 theo Hợp đồng thế chấp số: VLG20XXX62/HĐTC ngày 22 tháng 7 năm 2014, Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số: VLG20XXX62/HĐTC/PL01 ngày 31 tháng 8 năm 2015, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 1123 ngày 23 tháng 7 năm 2014 cho Ngân hàng K1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ.

Tài sản được bảo đảm trên phạm vi nghĩa vụ vay nợ tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2021 số tiền 192.862.112 (một trăm chín mươi hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn một trăm mười hai) đồng ((trong đó: dư nợ gốc 82.807.763 (tám mươi hai triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm sáu mươi ba) đồng, dư nợ lãi 110.054.349 (một trăm mười triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi chín) đồng)) cùng toàn bộ tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Công ty H3 đồng ý chịu án phí tính tròn số tiền 24.513.819 (hai mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn tám trăm mười chín) đồng.

2.3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng K1 được nhận lại số tiền 23.756.300 (hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0010772 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;

THẨM PHÁN

- CC.THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + ĐD.BĐ + NLQ + ĐD.NLQ: 14;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân